

hSố: 07/2026/QĐST-HNGĐ

T, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị N T V, sinh năm 1988.
- Bị đơn: Anh N C H, sinh năm 1992.
- Đều có địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 5 Điều 15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T V và anh N C H.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh N C H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là N T P T, sinh ngày 06/4/2017 và N C K, sinh ngày 21/5/2021, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N T V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu.

Chị N T V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh H cùng các thành V trong gia đình không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Anh N C H, chị N T V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N T V tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004561 ngày 30/10/2025 tại Thi Hành án dân sự tỉnh T. Trả lại cho chị V số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV6-T;
- THADS tỉnh T;
- Phòng THADSKV 6-T;
- UBND xã L;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo